

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 4 - 2022

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Quân, ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Trần Vinh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2022/TLST - HNGĐ, ngày 04/01/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 17/3/2022 và quyết định hoãn phiên toà số 11/QĐ-ST, ngày 30/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị N, sinh năm 1993

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 3, thị trấn T, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn H, sinh năm 1993

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 3, thị trấn T, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại Đài Loan, vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác: Ông Đặng Văn C; địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn T, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (bỏ để anh Đặng Văn H). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N và anh Đặng Văn H đăng ký kết hôn ngày 26/12/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nghi Xuân (nay là thị trấn T, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh). Việc kết hôn Hn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Theo chị Đinh Thị N trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình chồng, cuộc sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không có công việc ổn định, thường xuyên tụ tập bạn

bè ăn nhậu, cuộc sống gia đình một mình chị N gánh vác từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc, đến giữa năm 2017 vợ chồng sống ly thân. Năm 2018 chị N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, cuối năm 2018 anh H cũng sang Đài Loan lao động nhưng 2 vợ chồng không chung sống, liên lạc với nhau. Từ suốt thời điểm ly thân năm 2017 đến nay vợ chồng cắt đứt liên lạc, chị N không còn tình cảm với anh H, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Tại biên bản ghi lời trình bày của anh Đặng Văn H ngày 19/01/2022 theo anh H sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau, sau khi kết hôn vợ chồng sang Đài Loan lao động và vẫn chung sống với nhau. Anh H không đồng ý ly hôn. Tại biên bản ghi lại ý kiến trình bày ngày 23/02/2022 anh H đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung tên Đặng Thiên Ân, sinh ngày 01/7/2015.

Theo chị Chị Đinh Thị N trình bày từ khi sinh ra đến nay cháu ở với ông bà nội (ông Đặng Văn C), được ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N có kế hoạch đi làm ăn xa nên chị nhường quyền nuôi con cho anh Đặng Văn H. Chị N cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Tại biên bản ghi lại ý kiến anh H ngày 23/02/2022, anh H có nguyện vọng được nuôi con chung, về mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đinh Thị N, anh Đặng Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần 2 Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP, ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao: Về tình cảm: Xử, cho chị Đinh Thị N được ly hôn với anh Đặng Văn H; về con chung: Giao con chung Đặng Thiên Ân, sinh ngày 01/7/2015 cho anh Đặng Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc chị N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Buộc chị Đinh Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại công văn số 1242/QLXNC-P5, ngày 14/12/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an về cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Đặng Văn H đã xuất cảnh ngày 09/02/2021, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Theo thông tin người nhà anh H cho biết hiện tại anh H đang lao động tại Đài Loan. Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh H đang ở nước ngoài, do đó, vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Theo Công văn số 253/TANDTC-PC, ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân, địa chỉ của anh Đặng Văn H qua ông Đặng Văn C (bố đẻ anh H). Ông Cường cho biết hiện tại anh H lao động tại Đài Loan, còn địa chỉ cụ thể ông không biết. Tại biên bản ghi lại ý kiến anh H ngày 19/01/2022 anh H cho biết anh đang Lao động tại Đài Loan, còn địa chỉ cụ thể của anh tại Đài Loan anh H không thể cung cấp cho Toà án vì phải có ý kiến của công ty đồng ý. Toà án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng của Toà án cho anh H thông qua ông Đặng Văn C (bố đẻ anh H). Do đó, Toà án xét xử vắng mặt anh Hng theo quy định tại Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N và anh Đặng Văn H đăng ký kết hôn ngày 26/12/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nghi Xuân (nay là thị trấn T), huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Việc kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc, tuân thủ quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị N, anh H đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, chị N và anh H đều đồng ý ly hôn. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ, yêu thương lẫn nhau. Chị N không còn tình cảm với anh H, anh H cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đinh Thị N, xử cho chị Đinh Thị N được ly hôn với anh Đặng Văn H.

[2.2] Quan hệ con chung: Vợ chồng 1 con chung tên Đặng Thiên Ân, sinh ngày 01/7/2015.

Xét thấy, hiện nay cháu Đặng Thiên Ân đang ở với ông bà nội (ông Đặng Văn C), được nuôi dưỡng phát triển tốt về mọi mặt. Chị N đồng ý để anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, cháu Đặng Thiên Ân có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội. Tại biên bản xác minh ngày 23/02/2022 ông Đặng Văn C đồng ý nuôi dưỡng cháu Đặng Thiên Ân sau khi vợ chồng anh H, chị N ly hôn cho đến khi anh H về Việt Nam. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung Đặng Thiên Ân, sinh ngày 01/7/2015 cho anh Đặng Văn H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Buộc chị Đặng Thị Ngoan phải đóng góp tiền cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ kể từ ngày 20/4/2022 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đinh Thị N, anh Đặng Văn H không yêu cầu Toà án giải quyết. Tại biên bản xác minh ngày 19/01/2022 ông Đặng Văn C cho biết chị N, anh H có vay nợ ông bà số tiền 40.000.000đ trước khi cưới nhau. Tại biên bản xác minh ngày 23/02/2022 ông Cường có ý kiến anh H khai như thế

nào việc của anh H, vợ chồng ông sinh con ra phải lo cho con việc cưới hỏi ông Cường không có yêu cầu về khoản tiền lo cưới cho con.

Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên miễn xét.

[2.4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị N được ly hôn với anh Đặng Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Đặng Thiên Ân, sinh ngày 01/7/2015 cho anh Đặng Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc chị Đinh Thị N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 20/4/2022 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. chị N có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Đinh Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000082 ngày 04/01/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Chị N còn phải nộp tiếp 300.000đ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã nơi đăng ký KH;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hiền

